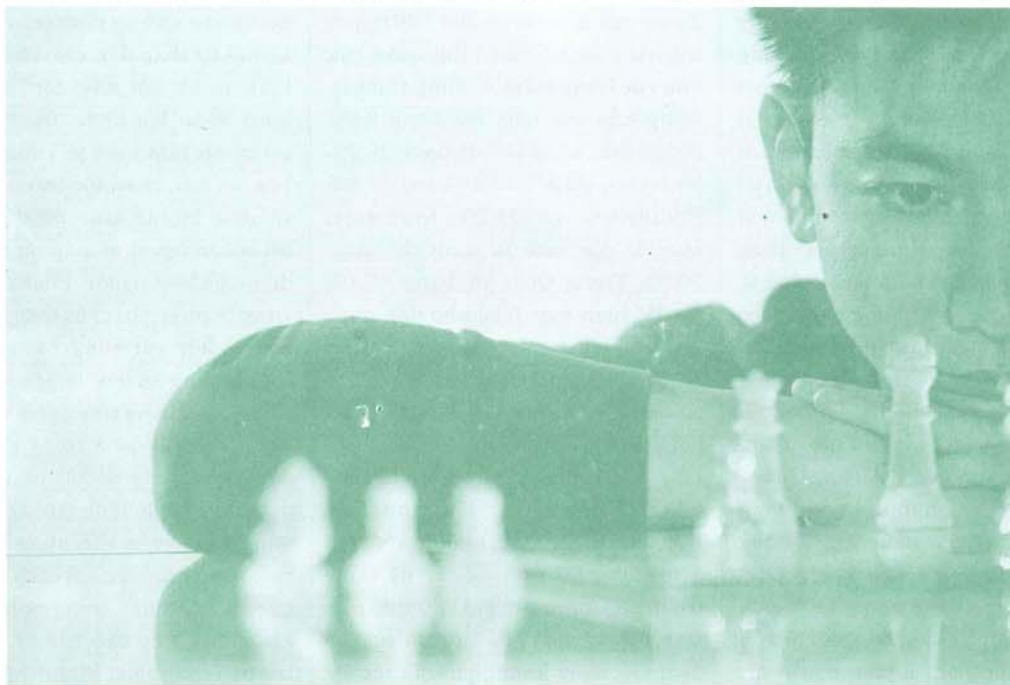




Phát triển bền vững

VŨ QUỐC TUẤN

Phát triển bền vững là một quá trình toàn diện, bao gồm những biến đổi về kinh tế, cũng như những biến đổi về xã hội, về văn hóa và giáo dục, khoa học và công nghệ, về môi trường và sự phát triển của con người. Phát triển bền vững đang là thách thức cho mọi quốc gia, nhất là trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế. Việc lựa chọn con đường, biện pháp và thể chế, chính sách bảo đảm phát triển bền vững luôn là mối quan tâm hàng đầu của mọi nước trong bước đường phát triển.

Phát triển và tăng trưởng

Trước hết, xin nói về khái niệm “phát triển” và sự phân biệt giữa “tăng trưởng” với “phát triển”. Trước đây, người ta thường dùng khái niệm “tăng trưởng” để nói về một nền kinh tế, với chỉ tiêu thường dùng là tốc độ tăng của GDP, qua đó mà xem xét một nước, một nền kinh

tế tăng nhanh hoặc chậm. Thế nhưng, qua phân tích thì thấy “tăng trưởng” nặng về số lượng, gần như chỉ quan tâm về kinh tế. Từ giữa thế kỷ 20, xuất hiện lý thuyết mới về tăng trưởng, đề ra khái niệm “phát triển”, với nội hàm rộng hơn, nhấn mạnh những khía cạnh chất lượng của tăng trưởng, bao gồm các mặt của đời sống xã hội.

Thế nhưng “phát triển” là gì? Có nhiều định nghĩa được nêu ra, trong đó đáng chú ý là định nghĩa được nhiều người nhất trí: “Phát triển là quá trình qua đó một xã hội người cùng nhau phấn đấu đạt tới chỗ thỏa mãn được các nhu cầu mà xã hội ấy coi là cơ bản và hiện đại”. Hội nghị của Liên Hiệp Quốc về môi trường và phát triển họp ở Rio de Janeiro năm 1992 đã nêu ra định nghĩa về phát triển bền vững là “sự phát triển thỏa mãn những nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm hại tới khả năng đáp ứng những nhu

cầu của các thế hệ tương lai”; có phần nhấn mạnh khía cạnh bảo vệ môi trường.

Như vậy, khi nói đến phát triển bền vững, người ta thường tập trung vào ba nội dung, thường được coi là “ba trụ cột” là tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, theo nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới, cần quan niệm vấn đề phát triển bền vững một cách toàn diện hơn, kể cả các khía cạnh kinh tế, văn hóa, chính trị của sự phát triển.

Thời gian gần đây, nhiều nghiên cứu đã đề cập vấn đề “chất lượng tăng trưởng”. Từ năm 1996, Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP) đã liệt kê 5 loại “tăng trưởng xấu”, bao gồm: (i) Tăng trưởng không việc làm, nghĩa là tăng trưởng nhưng không mở rộng cơ hội tạo thêm việc làm hoặc phải làm việc nhiều giờ với thu nhập rất thấp với những công việc có năng suất lao động thấp trong

nông nghiệp và trong khu vực không chính thức; (ii) Tăng trưởng không lương tâm, nghĩa là tăng trưởng mà thành quả của nó chủ yếu mang lại lợi ích cho người giàu, còn người nghèo chỉ được hưởng ít, thậm chí số người nghèo tăng thêm, khoảng cách giàu nghèo gia tăng; (iii) Tăng trưởng không có tiếng nói, nghĩa là tăng trưởng kinh tế không kèm theo mở rộng dân chủ, trao quyền lực cho dân, ngược lại, đã chặn đứng tiếng nói khác, dập tắt những đòi hỏi của dân quyền được tham dự nhiều hơn vào đời sống xã hội; (iv) Tăng trưởng không gốc rễ, nghĩa là sự tăng trưởng khiến cho nền văn hóa của con người trở nên khô héo; và (v) Tăng trưởng không tương lai, nghĩa là tăng trưởng trong đó thế hệ hiện nay đã phung phí những nguồn lực (chủ yếu là tài nguyên thiên nhiên) mà các thế hệ trong tương lai cần đến.

Từ những nghiên cứu trên đây, có thể tiếp cận vấn đề “phát triển bền vững” gồm sáu nội dung như sau: (1) tăng trưởng kinh tế; (2) công bằng xã hội; (3) bảo vệ môi trường; (4) phát triển văn hóa, giáo dục, công nghệ; (5) bảo đảm tự do, dân chủ và (6) phát triển con người. Xin nêu lên một số vấn đề về phát triển bền vững ở nước ta và một số gợi ý từ thực tiễn như sau.

Tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh

Trong thời kỳ 2001-2005, kinh tế nước ta đã tăng trưởng bình quân khoảng 7,5%/năm; sắp tới, trong thời kỳ 2006-2010, như Đại hội X của Đảng (4.2006) đã quyết định, chúng ta phấn đấu GDP đạt tốc độ bình quân 7,5 - 8%/năm, đồng thời phấn đấu để đạt trên 8%/năm. Tăng trưởng nhanh là nhiệm vụ hết sức quan trọng, để khắc phục tình trạng tụt hậu xa hơn nữa về kinh tế so với các nước trong khu vực. Đó là vì hiện nay, GDP bình quân đầu người tính bằng USD theo tỷ giá sức mua tương

đương của nước ta (2.300 USD) mới chỉ bằng 59,4% mức bình quân của khu vực Đông Nam Á, đứng thứ bảy trong khu vực này, chỉ bằng 9,6% Singapore, bằng 12% Brunei, 25,2% Malaysia, 32,8% Thái Lan, 55,2% Philippines và 71,2% Indonesia. Mức đó của nước ta cũng chỉ bằng 50,2% Trung Quốc và bằng 86,1% Ấn Độ hiện nay. Nếu như đến năm 2010 chúng ta đạt được mục tiêu 4.126 USD/người, thì vẫn còn kém xa mức hiện nay của họ; cụ thể là chỉ bằng 98,9% Philippines, 58,9% Thái Lan, 45,2% Malaysia, 21,5% Brunei và 17,2% Singapore. Nhưng họ cũng tiếp tục tăng trưởng, không dừng lại ở mức đó. Rõ ràng là tốc độ tăng trưởng 8%/năm vẫn chỉ là tốc độ của sự tụt hậu; chưa phải tốc độ của sự đuổi kịp, càng không phải là tốc độ của sự vượt lên, thu hẹp khoảng cách tụt hậu. Nếu chúng ta không đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao hơn nữa thì nguy cơ tụt hậu xa hơn đã rõ.

Chính vì thế, không thể không thực hiện những giải pháp lớn như Đảng và Nhà nước đã đề ra về giải phóng mạnh mẽ sức sản xuất, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, khuyến khích phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Các cân đối kinh tế vĩ mô (tài chính, tiền tệ, giá cả ...) cần được bảo đảm vững chắc. Thể chế, chính sách cần được tiếp tục đổi mới theo hướng tạo lập đồng bộ các loại thị trường cơ bản, thực hiện cơ chế cạnh tranh tự do, lành mạnh, thực hiện các biện pháp nâng cao khả năng cạnh tranh quốc gia; tất cả phải tập trung cao độ cho tốc độ hai con số của nền kinh tế.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới đã nhất trí cho rằng “tiến bộ xã

hội” phản ánh sự phát triển của một xã hội từ thấp đến cao, từ hình thái kinh tế-xã hội này đến hình thái kinh tế-xã hội khác, thể hiện trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, cả về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất; mà đích hướng tới là con người, vì sự phát triển oàn diện của con người. Phát triển bền vững là phải gắn chặt thực hiện tiến bộ xã hội với công bằng xã hội. “Công bằng xã hội” được hiểu không chỉ là công bằng trong phân phối thu nhập, mà rất quan trọng là sự bình đẳng trước các cơ hội về việc làm, đầu tư và bình đẳng trước các cơ hội nâng cao nguồn vốn nhân lực và có mức sống cao hơn; nói cách khác, tất cả mọi người dân trong xã hội đều có khả năng tiếp cận các cơ hội phát triển. Trong thực tế, có thể có nước GDP/người đạt mức cao, nhưng mức sống của đại đa số dân cư vẫn không được cải thiện một cách tương ứng, vì phúc lợi xã hội do tăng trưởng mang lại đã bị rơi vào tay một nhóm nhỏ người trong xã hội. Với các nước đang phát triển, dân nghèo vẫn chiếm đa số, thì các chính sách nhằm xóa đói giảm nghèo có ý nghĩa rất quan trọng.

Thời gian qua, chúng ta đã đạt những thành tựu quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng; đồng thời giúp người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo tự vươn lên thoát nghèo, có đời sống ngày càng khá giả hơn. Thế giới đánh giá cao thành tích của nước ta trong việc thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ. Tuy nhiên, thành tựu xóa đói giảm nghèo chưa thật sự vững chắc; nhiều vấn đề xã hội như thiếu việc làm, ma túy, mại dâm ... đang gây nhức nhối trong xã hội. Kinh nghiệm nhiều nước trên thế giới đã cho thấy, tăng trưởng kinh tế là công cụ quan trọng để xóa đói giảm nghèo, nhưng nếu không quan tâm giải quyết sự bất bình đẳng về thu nhập thì tăng trưởng kinh tế như

vậy là không bền vững về mặt xã hội, rất dễ dẫn đến bất ổn về mặt xã hội và có hại cho bước tăng trưởng tiếp theo. Hiện nay, mức chênh lệch giữa thu nhập của 20% số hộ có thu nhập cao nhất so với 20% số hộ có thu nhập thấp nhất đang có chiều hướng mở rộng: năm 1993 là 4,4 lần; năm 1996 là 7,3 lần, đến năm 2005 đã lên tới 9 lần. Tuy đó là một tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế của một nước đang phát triển, nhưng chúng ta đều mong rằng mức chênh lệch này sẽ được thu hẹp dần theo đà phát triển kinh tế và thực hiện các chính sách khác.

Chúng ta cần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng chính sách phát triển kinh tế, trong từng lĩnh vực và từng vùng kinh tế, tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, y tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, giải quyết các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người, bảo đảm cho mọi người dân đều có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận các cơ hội kinh doanh, thụ hưởng các phúc lợi xã hội, v.v... Đáng quan tâm là trong xã hội, đang có những người giàu do những khoản thu nhập bất chính (tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế, gian lận thương mại, kinh doanh lừa đảo ...) hoặc thu nhập không chính đáng do kê hở của chính sách. Tham nhũng đang phát triển trong nhiều cấp, nhiều ngành đang gây bức xúc lớn trong xã hội, nếu không được ngăn chặn sẽ là một nhân tố chủ yếu gây ra mất niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước. Mọi người đang nhức nhối và mong muốn phát hiện và trừng trị nghiêm khắc bọn tham nhũng đang đục khoét tài sản của Nhà nước, hạc sách, những nhiều dân và doanh nghiệp.

Phát triển kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm và thu nhập cho lao động nông thôn cũng là những vấn đề đang rất bức xúc. Nếu như, theo quy luật chung, một nền kinh tế công nghiệp hóa lành mạnh phải

thể hiện ở quá trình chuyển dần các tài nguyên từ nông thôn (lao động, quỹ đất, các nguồn vốn và tài nguyên, nguyên liệu khác) sang đô thị, từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, thì ở VN, tiến trình đó diễn ra rất chậm chạp; lao động đang "tắc nghẽn" ở nông thôn. Lao động nông thôn mới sử dụng khoảng 72 - 74% thời gian (khoảng 18 - 19 triệu người), hiện còn khoảng 7 triệu lao động nông thôn chưa có hoặc thiếu việc làm. Chênh lệch về thu nhập giữa cư dân nông thôn và thành thị và giữa các vùng nông thôn đang doãng ra. Rõ ràng là cùng với việc thu hút lao động nông thôn qua công nghiệp và dịch vụ nhiều hơn nữa, phải phát triển mạnh kinh tế nông thôn, mở mang thêm nhiều loại hình doanh nghiệp phi nông nghiệp, mở mang nhiều ngành nghề, tạo việc làm và thu nhập cho số lao động đang tăng nhanh hàng năm, nhất là ở những nơi đất nông nghiệp bị chuyển đổi do đô thị hóa và công nghiệp hóa, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng bảo đảm duy trì sự ổn định xã hội cho đất nước.

Bảo vệ và cải thiện môi trường

Trong thực tế, ở các nước đang phát triển, nguồn tài nguyên thiên nhiên có vai trò rất lớn, đóng góp đáng kể vào tỷ lệ tăng trưởng kinh tế, song nếu khai thác quá mức nguồn tài nguyên này, dẫn tới hệ sinh thái bị mất cân đối nghiêm trọng, ô nhiễm môi trường gia tăng, sẽ không chỉ ảnh hưởng tới thế hệ hiện tại mà còn ảnh hưởng cả đến các thế hệ mai sau. Theo điều tra, Hà Nội mất 1 tỷ đồng mỗi ngày, do môi trường không khí bị ô nhiễm (chưa nói đến ô nhiễm đất, nước). Thủ đô Bangkok Thái Lan 8 triệu dân, mỗi ngày cũng mất 1 triệu USD, do ô nhiễm. Đối với nước ta, đây thực sự là một vấn nạn rất lớn song chưa được quan tâm đúng mức: rừng đang bị tàn phá, tỷ lệ che phủ

giảm sút, nhiều vấn đề về xử lý nước, chất thải, ô nhiễm môi trường chậm được xử lý đang là nguy cơ lớn cho sự phát triển bền vững. Việc trồng rừng không chỉ nhằm giữ vững môi trường sinh thái mà còn bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Đáng quan tâm là phải mất bảy năm, diện tích che phủ rừng nước ta mới được nâng từ 33,2% lên 36,7% (trong khi đó, yêu cầu tối thiểu cũng phải đạt 43%). Hậu quả nặng nề của cơn bão số 7 đối với các tỉnh ven biển và của lũ quét đối với một số tỉnh miền núi thời gian vừa qua đã cho thấy rõ nguyên nhân chủ yếu là do thiếu quan tâm bảo vệ môi trường, không ngăn chặn được tệ nạn phá rừng ở vùng núi, phá rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, chắn sóng ở ven biển.

Vì vậy, các biện pháp khắc phục tình trạng hủy hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường cần được thực hiện chặt chẽ. Môi trường ở những nơi đang bị ô nhiễm nặng như các khu công nghiệp, các làng nghề cần được quan tâm xử lý khẩn trương, trong đó cần có sự đầu tư của Nhà nước và sự đóng góp của dân và doanh nghiệp. Các khu công nghiệp cần có hệ thống xử lý nước thải tập trung; tại các thành phố, việc di chuyển các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư cần được thực hiện khẩn trương hơn. Doanh nghiệp có trách nhiệm khai thác tài nguyên hợp lý và tiết kiệm; ứng dụng công nghệ sạch hoặc công nghệ ít gây ô nhiễm môi trường.

Phát triển văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ

Văn hóa, giáo dục và khoa học, công nghệ là những lĩnh vực có tác động trực tiếp đến việc nâng cao năng suất, chất lượng của sản xuất, kinh doanh, cũng như nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, không chỉ tác động trong thời gian ngắn mà sẽ tác động lâu dài đến sự phát triển của một quốc gia. Đó là những lĩnh vực cần có biện pháp gắn

bó chặt chẽ ngay trong từng bước phát triển, của cả nước cũng như trong từng địa phương, cho đến từng gia đình và mỗi con người.

Theo Báo cáo năm 2006 của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) công bố tháng 9.2006 về tính cạnh tranh, VN được xếp thứ 77/125 nước và vùng lãnh thổ, tụt ba hạng so với năm ngoái. Báo cáo năm nay xem xét các nền kinh tế dựa trên chín trụ cột, trong đó, VN được xếp thứ 74 về định chế, thứ 83 về kết cấu hạ tầng, thứ 53 về kinh tế vĩ mô và 56 về y tế và giáo dục cấp một, thứ 90 về giáo dục đại học, 73 về hiệu quả thị trường, 85 về công nghệ, 86 về sự thông hiểu kinh doanh và 75 về sáng tạo.

Đáng quan ngại nhất là tình trạng lạc hậu về khoa học, công nghệ nước ta đã ở tình trạng báo động, ảnh hưởng xấu đến năng lực cạnh tranh và yêu cầu phát triển kinh tế bền vững. Có thể ví dụ: riêng về đầu tư cho nghiên cứu khoa học và công nghệ (R&D) của VN, xét về số tuyệt đối cũng như tương đối, đều thấp hơn so với các nước trong khu vực. Xét theo tiêu chí R&D trên một chuyên viên nghiên cứu, con số này của VN thấp hơn 4 lần so với Thái Lan, 7 lần so với Trung Quốc, 8 lần so với Malaysia, 26 lần so với Singapore. Đáng chú ý là số cán bộ hoạt động R&D trong các viện nghiên cứu của nước ta tương đối đông, nhưng chất lượng của lực lượng này còn thấp so với nhiều nước trong khu vực và khả năng đáp ứng yêu cầu của xã hội còn rất hạn chế, nhất là khả năng ứng dụng và sáng tạo công nghệ, khả năng ngoại ngữ và sử dụng máy tính. Vốn đầu tư cho một cán bộ R&D ở VN cũng quá thấp: chỉ có 1.000USD/năm so với 18.000 USD ở Thái Lan và 19.400 USD ở Nhật. Đầu tư của doanh nghiệp VN cho R&D thấp hơn nhiều so với các nước: chỉ chiếm khoảng 0,01% doanh thu, trong khi đó, tỷ lệ này tại các nước công nghiệp là 5 - 6% và các nước phát triển là

10% doanh thu.

Xin nói thêm là trước yêu cầu nâng cao chất lượng của sự phát triển đất nước, nhất là khi gia nhập WTO, vấn đề nhân lực đang trở thành thời sự, nhất là đối với doanh nghiệp. Chúng ta đang thiếu rất nhiều công nhân lành nghề, những chuyên viên kỹ thuật và nhà quản lý cấp cao, những doanh nhân có trình độ đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới. Một "cuộc chiến" giành giật chuyên viên có trình độ đang diễn ra rất gay gắt, giữa các doanh nghiệp trong nước và với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ngày nay, khi khoa học và công nghệ đang trở thành động lực chủ yếu cho phát triển và là yếu tố đầu vào quan trọng đối với mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, trước yêu cầu toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, các nước trong khu vực đều đang tăng tốc đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học, công nghệ để bảo đảm sức cạnh tranh của nền kinh tế; chúng ta cũng không thể ngoại lệ. Trước mắt, rất cần phát triển văn hóa, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, nêu cao giá trị của con người VN trong thời kỳ mới. Phải đổi mới mạnh mẽ tổ chức, mô hình, cơ chế quản lý và phương pháp giáo dục để đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, coi phát triển khoa học, công nghệ cùng với phát triển giáo dục, đào tạo thực sự là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bảo đảm tự do, dân chủ

Tự do và dân chủ luôn luôn là khát vọng cháy bỏng của con người trong mọi thời đại; tự do và dân chủ cũng luôn luôn là mục tiêu hàng đầu của mọi cuộc cách mạng xã hội. Ở nước ta, tự do và dân chủ cũng đã được đặt thành một mục tiêu hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta trong

sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước và đã được quán triệt xuyên suốt ngay từ những năm đầu mới giành được độc lập cho đến ngày nay. Hiến pháp năm 1946 đã quy định "Công dân VN có quyền: tự do ngôn luận; tự do xuất bản; tự do tổ chức và hội họp; tự do tín ngưỡng; tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài" (Điều 10). Tại Hiến pháp năm 1992 (hiện hành), quyền tự do của công dân cũng đã được quy định rất rõ ràng (trong các điều từ 51 đến 74), như tự do kinh doanh; tự do đi lại và cư trú; tự do ngôn luận; tự do báo chí; tự do tín ngưỡng, tôn giáo, v.v... Từ Đại hội lần thứ IX của Đảng, từ "dân chủ" đã được bổ sung vào mục tiêu tổng quát của nước ta, đó là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Cần khẳng định rằng toàn bộ hệ thống thể chế, chính sách phát triển kinh tế, xã hội của Nhà nước ta từ trước đến nay đều đã thể hiện yêu cầu bảo đảm các quyền tự do, dân chủ đó của công dân và của các doanh nghiệp.

Từ khi công cuộc đổi mới được triển khai đến nay, việc mở rộng dân chủ đã được thực hiện trên mọi mặt của đời sống xã hội, từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, xã hội, ở tất cả các cấp, các ngành. Về kinh tế, khi mọi công dân có quyền tự do đầu tư, kinh doanh trong những lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn mà pháp luật không cấm; có quyền bất khả xâm phạm về quyền sở hữu tài sản hợp pháp, kinh tế dân doanh đã khởi sắc, hàng chục vạn doanh nghiệp, tổ sản xuất kinh doanh ra đời. Từ khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực (năm 2000), tỷ trọng của kinh tế dân doanh trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội cũng đã không ngừng tăng lên: từ 22,9% năm 2000; 22,6% năm 2001; 26,2% năm 2002; 29,7% năm 2003; 30,9% năm 2004 và 32,1% năm 2005. Đó chính là những biểu hiện nổi bật của tự do, dân chủ trong xã hội mới.

Ngày nay, Đảng và Nhà nước ta đang thực hiện nhiều biện pháp để

thực hiện đại đoàn kết dân tộc, coi đây là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và nhân tố quyết định bảo đảm sự bền vững của công cuộc phát triển đất nước trong thời gian tới. Chúng ta đang xây dựng Luật doanh nghiệp và Luật đầu tư áp dụng chung cho mọi loại hình doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế và hình thức sở hữu, là một biểu hiện cụ thể bảo đảm công bằng, bình đẳng trong kinh doanh. Chúng ta cũng đang triển khai cuộc vận động phát huy dân chủ tại cơ sở. Tất cả hoạt động kinh tế, xã hội đang xúc tiến trên đất nước ta đều nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, thể hiện sinh động tiến trình bảo đảm tự do, dân chủ trong điều kiện nước ta.

Cần nhấn mạnh rằng, trong một xã hội dân chủ, Nhà nước cơ quan được dân bầu ra và cử ra để thi hành Hiến pháp và pháp luật, công chức phải thực sự là “công bộc” của dân, là người được dân giao cho và trả tiền công để thực hiện nhiệm vụ quản lý đất nước theo pháp luật; họ không phải là người đứng trên dân, trên pháp luật, có quyền ban phát, có quyền “cho” và đòi hỏi dân và doanh nghiệp phải “xin”. Chính vì vậy, phải có các thiết chế để nghe dân nói, đối thoại với dân, có trách nhiệm với dân.

Phát triển con người

Con người luôn được đặt vào vị trí trung tâm của phát triển xã hội. Theo nghĩa rộng, khái niệm phát triển con người bao trùm tất cả các khía cạnh trong cuộc sống của mọi cá nhân, từ tình trạng sức khỏe tới sự tự do về kinh tế và chính trị. Báo cáo Phát triển con người năm 1990 của Chương trình phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) đã nhấn mạnh: “Phát triển con người là mục đích cuối cùng, tăng trưởng kinh tế là phương tiện”; đồng thời chỉ rõ: “Mục tiêu căn bản của phát triển là tạo ra

một môi trường khuyến khích con người được hưởng cuộc sống lâu dài, khỏe mạnh và sáng tạo” và định nghĩa phát triển con người như là “một quá trình mở rộng phạm vi lựa chọn của người dân”.

Chỉ số phát triển con người HDI (các chỉ số về y tế, giáo dục, tuổi thọ và mức sống) mà Chương trình phát triển Liên hiệp quốc (UNDP) đang dùng chính là nhằm thể hiện kết quả của việc chuyển các lợi ích của tăng trưởng kinh tế vào chất lượng cuộc sống cho người dân mỗi nước. HDI có giá trị giữa 0 và 1, với 1 là con số lý tưởng. Năm 2005, VN được 0,704 điểm xếp 108/177 quốc gia và vùng lãnh thổ được xếp hạng, đứng thứ 9 trong ASEAN+3 (trên Indonesia – 0,697 điểm; Mianma – 0,578; Campuchia – 0,571; Lào – 0,545; và Đông Timo – 0,513). Xin lưu ý là cùng năm 2005, Nhật được 0,943 điểm, xếp thứ 11/177; Singapore 0,907, thứ 25; Hàn Quốc 0,901, thứ 28; Malaysia 0,796, thứ 61; Thái Lan 0,778, thứ 73; Philippines 0,758, thứ 84; Trung Quốc 0,775, thứ 85. Năm 2006, VN được xếp thứ 109/177, vì trong Báo cáo năm nay, UNDP nhấn mạnh đến hai tiêu chí cung cấp nước sạch và vệ sinh (có đến 15% trẻ em không được tiếp cận nước sạch và 39% trẻ em không được tiếp cận các điều kiện vệ sinh phù hợp). Mục tiêu của chúng ta là nâng cao chỉ số HDI để đến năm 2020 đạt nhóm 30 – 40 số nước trên cùng của thế giới.

Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới nhấn mạnh sự liên quan chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển con người. Tăng trưởng kinh tế cung cấp nguồn lực cho phép duy trì những tiến bộ về phát triển con người; mặt khác, những tiến bộ về chất của lực lượng lao động là yếu tố đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế. Thế nhưng, trong thực tiễn, nhiều khi người ta thường chỉ nhấn mạnh yêu cầu tăng trưởng kinh tế mà xem nhẹ, thậm chí bỏ qua những

yêu cầu về phát triển con người.

Chính vì vậy, chúng ta quan tâm hơn nữa thực hiện các giải pháp để nâng cao sức khỏe cho người dân, bảo đảm các nhu cầu về học tập, nâng cao trình độ người lao động phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, chăm lo các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe tại cơ sở, bảo đảm nước sạch và vệ sinh môi trường, v.v... Mọi người dân, nhất là lớp thanh niên, được tạo điều kiện để phát huy tài năng, trí tuệ, được thỏa sức sáng tạo, biến những ước mơ, hoài bão của họ thành những hành động cụ thể góp phần phát triển đất nước. Nhà nước cần có chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài. Đó chính là chỗ dựa vững chắc để phát triển bền vững.

Tóm lại, từ kinh nghiệm của thế giới ngày nay và thực tiễn VN, có thể quan niệm “phát triển bền vững” một cách toàn diện hơn, gồm đủ sáu nội dung trên đây, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; phát triển toàn diện con người; thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội. Mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta có thể khái quát là: đạt được sự đầy đủ về vật chất, sự giàu có về tinh thần và văn hóa, sự bình đẳng của các công dân, sự đồng thuận của xã hội, sự hài hòa giữa con người và tự nhiên. Có thể nhấn mạnh rằng tất cả các nội dung trên đều xuất phát từ quan điểm xuyên suốt: vì sự phát triển toàn diện của con người – trung tâm của mọi sự phát triển. Ngày nay, trước yêu cầu cao hơn của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước và gia nhập WTO, hội nhập sâu hơn, toàn diện hơn vào kinh tế quốc tế, cuộc cạnh tranh trên phạm vi toàn cầu sẽ rất gay gắt, chúng ta phải tập trung sức thực hiện các giải pháp để chăm lo cho sự phát triển của con người, đặc biệt là tôn trọng và phát huy những năng lực tiềm ẩn trong con người VN, đó chính là bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững của nước ta ■